

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2019 và dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách thị xã năm 2020

(Báo cáo trình tại kỳ họp thứ 11, HĐND thị xã khoá VI kèm theo tờ trình số...../Tr-UBND của UBND thị xã, ngày..... tháng 12 năm 2019)

Thực hiện quy định của Luật NSNN năm 2015, UBND thị xã trình HĐND thị xã Báo cáo tình hình thực hiện thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2019 và Dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2020 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2019

Thực hiện Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 26/12/2017 của HĐND thị xã về nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2019, UBND thị xã đã tập trung chỉ đạo, chủ động tích cực trong công tác điều hành thu chi ngân sách. Trong năm, công tác thu chi NSNN đã đảm bảo các nhiệm vụ chủ yếu và đáp ứng kịp thời nhiều nhiệm vụ phát sinh. Cụ thể như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH:

Tổng thu NSNN năm 2019 của thị xã ước thực hiện là 243.470 triệu đồng (NS thị xã được hưởng là 235.970 triệu đồng) đạt 114,6% so với dự toán năm và bằng 95% so với thực hiện năm 2018.

1. Thu NSNN trên địa bàn:

a) Kết quả thực hiện:

Số thu NSNN trên địa bàn năm 2019 ước thực hiện là 95.976 triệu đồng đạt 89% dự toán năm và bằng 81% so với thực hiện năm 2018 (nếu trừ đi số thu tiền sử dụng đất và thu bán tài sản thì số thu NSNN trên địa bàn thị xã được hưởng là 43.176 triệu đồng, đạt 110,6% dự toán năm), bao gồm:

- **Các khoản thu do ngành thuế quản lý** : Ước thực hiện là 43.340 triệu đồng, (trong đó ngân sách thị xã được hưởng là 42.390 triệu đồng), đạt 110,5% dự toán năm và bằng 102% so với thực hiện năm 2018.

- **Thu tiền sử dụng đất**: Ước thực hiện là 50.000 triệu đồng trong đó ngân sách thị xã được hưởng 45.000 triệu đồng đạt 100% dự toán năm và bằng 87% so với thực hiện năm 2018

- **Thu khác ngân sách**: ước thực hiện là 2.300 triệu đồng, trong đó ngân sách thị xã được hưởng là 257 triệu đồng, đạt 140% dự toán năm và bằng 35,4% so với thực hiện năm 2018

- **Thu đóng góp:** ước thực hiện là 29 triệu đồng (gồm các khoản đóng góp của các xã phường)

- **Thu bán và cho thuê tài sản nhà nước:** ước thực hiện là 500 triệu đồng đạt 3% dự toán năm.

b) Đánh giá nguyên nhân kết quả đạt được:

- Các khoản thu dự kiến không hoàn thành dự toán gồm: thu tiền cho thuê đất,, thu đấu giá tài sản, thu thuế sử dụng đất nông nghiệp, thu từ quỹ đất hoa lợi công ích và thu khác (phần ngân sách thị xã hương). Số hụt thu từ các khoản thu trên dự kiến là 17.912 triệu đồng, cụ thể như sau:

+ **Thu tiền cho thuê đất, mặt nước:** số hụt thu dự kiến là 810 triệu nguyên nhân là do dự toán giao cao hơn số lập bộ thực tế.

+ **Thu từ đấu giá tài sản:** Dự toán giao là 17.000 triệu đồng nhưng chưa triển khai thực hiện được do đang tiến hành một số quy trình thủ tục theo quy định về quản lý tài sản cũng như quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.


+ **Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản:** Trong năm số thu không đạt kế hoạch do dự toán giao cao so với nguồn thu thực có của thị xã. Thực tế hiện nay diện tích đất công ích, quỹ đất 5% trên địa bàn không nhiều và không phát sinh.

+ **Thu khác:** Số thu dự kiến không hoàn thành kế hoạch do không có nhiều khoản thu ở các xã phường.

- Các khoản thu dự kiến hoàn thành và hoàn thành vượt dự toán gồm thu ngoài quốc doanh, lệ phí trước bạ, thuế TNCN, phí và lệ phí, thu tiền sử dụng đất. Trong đó dự kiến số thu từ lệ phí trước bạ, thuế TNCN và thu ngoài quốc doanh vượt là 4.849 triệu đồng, nhờ vậy đã bù đắp được số hụt từ các khoản thu tiền thuế đất và các khoản thu khác, cụ thể:

+ **Thu ngoài quốc doanh:** Ước thực hiện là 27.672 triệu đồng, đạt 110% dự toán thị xã giao và đạt 114,3% so với dự toán tỉnh giao. Số vượt thu dự kiến là 2.462 triệu đồng. Nguyên nhân là do UBND thị xã đã tập trung chỉ đạo các ngành chức năng tập trung thu nợ và giảm nợ đọng thuế, đồng thời tích cực đối thoại, giải quyết các vướng mắc, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn phát triển sản xuất kinh doanh, động viên kịp thời các doanh nghiệp làm tốt nghĩa vụ với nhà nước.

+ **Thu lệ phí trước bạ:** Ước thực hiện của nguồn thu này là 8.700 triệu đồng đạt 116% dự toán năm và bằng 107% so với năm 2018, vượt dự toán năm 1.200 triệu đồng. Khoản thu này tăng cao là do trong năm hoạt động chuyển nhượng nhà đất tăng, đồng thời chính sách thuế nhập khẩu đối với ô tô có thay đổi nên đã khuyến khích được nhu cầu tiêu dùng, mua sắm của người dân.

+ **Thuế TNCN:** Ước thực hiện cả năm là 3.500 triệu đồng đạt 135% dự toán năm và bằng 122% so với thực hiện năm 2018, vượt dự toán năm là 900 triệu đồng. Do nguồn thu vãng lai sụt giảm nhiều, nên nguồn thu này thực hiện chủ yếu là huy động từ khu vực hộ cá thể nộp thuế khoán và thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất. 

+ **Thu phí và lệ phí:** Năm 2019, khoản thu này cơ bản hoàn thành kế hoạch do việc phân cấp, giao dự toán phù hợp với tình hình thu trên địa bàn.

+ **Khoản thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:** Số thu tăng là do các hộ gia đình đã thực hiện nộp thuế 1 lần cho chu kỳ 5 năm.

+ **Khoản thu tiền sử dụng đất:** Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch, ngay từ đầu năm thị xã đã tập trung chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tập trung triển khai kịp thời các quy trình thủ tục để thực hiện việc đấu giá đất ở các khu vực đã quy hoạch. Hiện đã tổ chức 3 đợt đấu giá quyền sử dụng đất, vì vậy số thu dự kiến đạt kế hoạch đề ra.

2. Thu ngân sách địa phương:

a) Các khoản thu được hưởng theo phân cấp: Ước thực hiện là 88.176 triệu đồng đạt 87% dự toán HĐND thị xã giao (*trong đó số thu ngành thuế quản lý là 42.397 triệu đồng, đạt 111% dự toán năm và bằng 103,8% so với thực hiện năm 2018*), bao gồm:

- Thu NSDP hưởng 100%: 2.294 triệu đồng, trong đó ngân sách cấp huyện là 2.102 triệu đồng, ngân sách xã là 192 triệu đồng

- Thu NSDP được hưởng theo tỷ lệ phân chia là 85.882 triệu đồng, trong đó ngân sách cấp huyện là 81.938 triệu đồng, ngân sách xã là 3.944 triệu đồng.

b) Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: Ước thực hiện cả năm 2018 là 114.787 triệu đồng (*trong đó bổ sung cân đối: 94.747 triệu*), đạt 109% dự toán và bằng 100,3% so với thực hiện năm 2018. Phần tăng thêm là kinh phí bổ sung có mục tiêu (9.462 triệu đồng) để thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: 1.556 triệu đồng (*gồm: xây dựng NT mới, chương trình giảm nghèo...*);

- Kinh phí đảm bảo an sinh xã hội 1.285 triệu đồng (*bao gồm tiền điện hộ nghèo, miễn giảm học phí, hỗ trợ nhà ở cho người có công CM, BHXH nhân viên nấu ăn trường mầm non...*);

- Kinh phí hỗ trợ chỉnh trang đô thị: 5.000 triệu đồng (dự án hệ thống điện trang trí cầu Thành Cổ và một số trục đường tại thị xã).

- Kinh phí phục vụ các nhiệm vụ phát sinh khác: 1.621 triệu đồng (*Kinh phí tổ chức lễ hội, kinh phí quy hoạch, phụ cấp CTV khuyến nông, kinh phí dự án Lramp, hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa...*) .

c) Thu kết dư: 8.976 triệu đồng, trong đó ngân sách thị xã 7.537 triệu, ngân sách xã là 1.438 triệu đồng

d) Thu chuyển nguồn: 24.031 triệu đồng, trong đó ngân sách thị xã 24.031 triệu đồng, ngân sách xã là 0 đồng

Tóm lại: Thu nội địa năm 2019 (*đã trừ khoản thu tiền sử dụng đất và các khoản thu có mục tiêu*) cơ bản hoàn thành dự toán được giao với số vượt thu dự kiến là 4.000 triệu đồng. Theo quy định Ngân sách thị xã và các xã, phường được sử dụng 50%

nguồn vượt thu để bổ sung thực hiện các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán trong năm. Số còn lại để bổ sung nguồn thực hiện CCTL trong thời gian tới. Mặc dù thu trên địa bàn đạt kế hoạch đề ra nhưng số thu vẫn còn quá thấp so với nhu cầu chi nên cân đối ngân sách vẫn chủ yếu dựa vào trợ cấp từ ngân sách tỉnh.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (có phụ lục chi tiết kèm theo)

Năm 2019, chi NSNN địa phương ước thực hiện là 233.161 triệu đồng đạt 113% dự toán được giao, bao gồm các khoản chi như sau:

1. Chi đầu tư phát triển: Năm 2019, nhiệm vụ chi này chủ yếu do ngân sách cấp huyện thực hiện với số vốn dự kiến thanh toán là 74.098 triệu đồng, đạt 107 % kế hoạch năm, trong đó thanh toán bằng nguồn XDCB tập trung là 7.426 triệu đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất 57.805 triệu đồng, nguồn khác 8.867 triệu đồng. Trong năm, mặc dù số thu từ thanh lý tài sản chưa thực hiện được nhưng các công trình trong kế hoạch đầu tư công vẫn được đảm bảo số vốn theo kế hoạch. Để đảm bảo nguồn ngân sách, UBND thị xã đã rà soát thực hiện cắt giảm một số dự án, nhiệm vụ chưa triển khai đồng thời điều chỉnh nguồn kinh phí từ kết dư, tăng thu, và tạm ứng các nguồn ngân sách khác để đảm bảo kế hoạch vốn. Nhờ vậy đã giải quyết hoàn thành việc thanh toán các khoản tạm ứng ngoài dự toán kéo dài nhiều năm và việc giảm nợ XDCB theo quy định.

2. Chi thường xuyên:

Số chi thường xuyên năm 2019 ước thực hiện là 132.823 triệu đồng đạt 108% dự toán năm. Phần tăng thêm so với dự toán chủ yếu do thực hiện các chế độ bảo trợ XH cho đối tượng chính sách, cải cách tiền lương và một số nhiệm vụ cấp thiết phát sinh.... Phần chi tăng thêm để thực hiện các khoản chi trên được sử dụng từ các nguồn sau:

- Nguồn dự phòng ngân sách: 3.624 triệu đồng, trong đó: KP phục vụ nhiệm vụ ANQP: 313 triệu; KP phòng chống dịch bệnh 300 triệu đồng, kinh phí phục vụ lễ hội 1.600 triệu đồng, KP thực hiện các nhiệm vụ phát sinh của các cơ quan đơn vị gồm: nâng lương trước thời hạn, hoạt động của Thị ủy, HĐND, UBND và các nhiệm vụ phát sinh khác 1.411 triệu đồng.

- Các nguồn ngân sách khác của địa phương:

+ Nguồn kết dư 2018 chuyển sang: 1.518 triệu đồng (KP thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm)

+ Nguồn tăng thu năm 2019: 2.180 triệu đồng (KP phục vụ hoạt động lễ hội và các nhiệm vụ phát sinh)

+ Nguồn CCTL: 1.820 triệu đồng

Trong năm, các nhiệm vụ chi thường xuyên đều hoàn thành vượt mức dự toán được giao, công tác điều hành chi ngân sách chủ động và linh hoạt, đáp ứng kịp thời nhiều nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương như: tổ chức kỷ niệm 210 năm ly sở và 30 năm lập lại thị xã, hoạt động tuyến phố lễ hội, hoạt động xúc tiến đầu tư v.v.. Các chế độ an sinh xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia được đảm bảo thực hiện đúng chế độ tiêu chuẩn hiện hành. Tuy nhiên do yêu cầu của một số nhiệm vụ quy hoạch đô thị, bảo vệ môi trường (điện chiếu sáng, hoạt động xử lý nước thải...), sửa chữa trụ sở, các công trình thiết yếu của các cơ quan, đơn vị lớn; trong khi đó kinh phí

nguồn sự nghiệp kinh tế, môi trường được tinh phân cấp hạn chế nên một số nhiệm vụ chi vẫn còn bị động, thiếu nguồn để thanh toán.

3. Chi từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu:

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia: 1.256 triệu đồng, trong đó chương trình xây dựng NTM là 1.100 triệu đồng, chương trình giảm nghèo bền vững là 156 triệu đồng.

- Chi các chương trình nhiệm vụ khác: 15.484 triệu đồng bằng 204% dự toán năm. Trong đó chi từ nguồn vốn đầu tư XDCB 10.540 triệu đồng, chi thường xuyên là 4.944 triệu đồng (*Kinh phí đảm bảo ASXH 1.285 triệu đồng; kinh phí phục vụ các nhiệm vụ khác: 3.659 triệu đồng*)

4. Chi chuyển nguồn: ước thực hiện là 9.500 triệu đồng, chủ yếu là nguồn kinh phí thực hiện CCTL còn lại tiếp tục chuyển sang năm sau để thực hiện theo quy định.

5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã: Ước thực hiện là 19.590 triệu đồng, *bổ sung cân đối 17.158 triệu, BS có mục tiêu: 2.332 triệu đồng*)

Tóm lại: Trong điều kiện nguồn thu còn nhiều khó khăn, nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo các cấp và sự nỗ lực cố gắng của các cơ quan chuyên môn nên các nhiệm vụ chi vẫn được đảm bảo và cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của các cơ quan đơn vị trên địa bàn.

Trong năm, UBND thị xã cũng đã tập trung chỉ đạo công tác tổng hợp, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác thanh tra, kiểm toán nhà nước đảm bảo kịp thời, nghiêm túc. Thực hiện các quy định về điều hành ngân sách của Chính phủ và Bộ Tài chính, UBND thị xã cũng đã chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện việc tiết kiệm chi theo quy định để bổ sung nguồn cải cách tiền lương, thực hiện việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao đảm bảo theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên do nguồn thu nhỏ, thiếu ổn định; định mức chi thường xuyên của đơn vị HCSN thấp, số tiết kiệm nhiều nên việc điều hành ngân sách có lúc vẫn còn bị động, lúng túng. Công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong chi tiêu tiếp khách, kỷ niệm gặp mặt, mua sắm, sử dụng tài sản thiết bị văn phòng trong một số cơ quan đơn vị vẫn chưa thực hiện triệt để.

PHẦN THỨ II.

DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020

Căn cứ quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của TW, tỉnh. Trên cơ sở tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2019 của thị xã, Dự toán thu-chi ngân sách năm 2020 được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc sau:

- Quán triệt yêu cầu thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của thị xã và các chế độ chi tiêu ngân sách hiện hành

- Việc xây dựng dự toán phải đảm bảo mục tiêu: hoàn thành vượt mức thu ngân sách Tỉnh giao để đảm bảo cân đối các nhiệm vụ chi của địa phương trong năm, nâng cao hiệu quả chi ngân sách, đảm bảo kế hoạch vốn theo kế hoạch đầu tư công trung hạn. *td*

- Năm 2020 là năm cuối cùng trong thời kỳ ổn định ngân sách mới 2017-2020, do đó dự toán chi ngân sách thị xã năm 2020 được xây dựng và phân bổ trên cơ sở định mức quy định tại Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và các chế độ chính sách, nhiệm vụ mới phát sinh.

Trên nguyên tắc đó, Dự toán thu chi ngân sách năm 2020 được dự kiến như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH

Tổng thu ngân sách năm 2020 của thị xã dự kiến là: 217.309 triệu đồng, bằng 130% so với dự toán tỉnh giao năm 2020 và bằng 102% so với dự toán thị xã giao năm 2019.

1. Thu NSNN trên địa bàn: Tổng thu NSNN trên địa bàn là 81.508 triệu đồng (trong đó phân cấp ngân sách thị xã hưởng là 75,312 tỷ đồng), cụ thể như sau:

- **Các khoản thu do ngành thuế quản lý:** Năm 2020 HĐND tỉnh giao cho thị xã các khoản thu từ thuế, phí và lệ phí là 40,2 tỷ đồng, tăng 5,38 tỷ đồng so với dự toán năm 2017 (năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách), tăng so với dự toán năm 2019 là 2,15 tỷ đồng. Trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương, UBND thị xã dự kiến lập kế hoạch thu năm 2020 là 40,368 tỷ đồng, tăng 168 triệu đồng so với dự toán tỉnh giao. Số tăng thêm dự kiến thu từ khoản nợ thuế đất sử dụng nông nghiệp và phi nông nghiệp. (Chi tiết các khoản thu dự kiến giao theo phụ lục 16 kèm theo)

- **Thu tiền sử dụng đất:** Số giao thu dự kiến là 39,44 tỷ đồng tăng 19,44 tỷ đồng so với dự toán tỉnh giao. Theo quy định của Nghị quyết HĐND thời kỳ ổn định NS 2017-2020 số thu từ tiền sử dụng đất điều tiết cho ngân sách tỉnh 10% (3,946 tỷ đồng), ngân sách thị xã được sử dụng là 35,494 tỷ đồng

- **Thu khác ngân sách:** số Tỉnh giao thu là 1.700 triệu đồng (trong đó ngân sách thị xã được hưởng 300 triệu đồng). Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ của địa phương trong năm tới UBND thị xã dự kiến giao số thu khác là 1.750 triệu đồng, tăng 50 triệu đồng so với dự toán tỉnh giao, gồm các khoản thu cụ thể như sau:

+ Thu khác ngân sách TW, tỉnh: 1.400 triệu đồng

+ Thu cho thuê tài sản: 300 triệu đồng

+ Thu khác tại xã, phường: 50 triệu đồng

2. Thu ngân sách địa phương:

Tổng thu NSDP năm 2020 dự kiến là: 211.113 triệu đồng, cụ thể như sau:

a) Thu NSNN trên địa bàn được hưởng theo phân cấp: 75.312 triệu đồng, bao gồm:

- Thu NSDP hưởng 100%: 1.770 triệu đồng (trong đó ngân sách cấp huyện là 1.573 triệu đồng, ngân sách xã là 197 triệu đồng), tăng hơn so với dự toán HĐND tỉnh giao 60 triệu đồng

- Thu NSDP được hưởng theo tỷ lệ phân chia là 73.542 triệu đồng (trong đó ngân sách cấp huyện là 70.419 triệu đồng, ngân sách xã là 3.123 triệu đồng), tăng hơn so với HĐND tỉnh giao 108 triệu đồng.

b) Thu bổ sung từ NS cấp tỉnh: 135.801 triệu đồng, trong đó: 70

- Bổ sung cân đối: 95.663 triệu đồng
- Bổ sung có mục tiêu: 9.582 triệu đồng
- Bổ sung thực hiện CCTL: 3.556 triệu đồng
- Bổ sung từ nguồn thu thanh lý tài sản: 27.000 triệu đồng.

** Khoản thu bổ sung có mục tiêu từ nguồn thu thanh lý tài sản trên địa bàn chưa được HĐND tỉnh không giao trong dự toán đầu năm. Theo quy định khoản thu này sẽ nộp vào Tài khoản của Sở Tài chính và UBND tỉnh sẽ quyết định điều tiết bổ sung nguồn kinh phí này để thực hiện các dự án XDCCB theo quy định của Luật quản lý tài sản. Căn cứ tình hình thực tế của năm 2020 về dự kiến số thu từ việc thanh lý tài sản trên địa bàn, để đảm bảo nguồn vốn thực hiện các công trình dự án theo Kế hoạch đầu tư công đã được HĐND thị xã thông qua, UBND thị xã dự kiến nhiệm vụ thu này để có căn cứ phân bổ ngân sách và triển khai thực hiện.*

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi NSNN địa phương quản lý: 211.113 triệu đồng, bao gồm các khoản chi sau: *(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)*

1. Chi đầu tư phát triển:

- Tổng chi đầu tư phát triển năm 2020 dự kiến là 40.099 triệu đồng, Bao gồm:
 - + Chi XDCCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất là : 35.494 triệu đồng;
 - + Chi XDCCB từ nguồn tinh phân cấp là 4.605 triệu đồng;

2. Chi thường xuyên: Dự toán là 131.285 triệu đồng bằng 100,1% dự toán tỉnh giao *(đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL)*, bao gồm:

- Ngân sách cấp huyện: 110.048 triệu đồng, trong đó chi sự nghiệp GD &ĐT là 61.377 triệu đồng, chi sự nghiệp bảo vệ môi trường là 7.315 triệu đồng.
- Ngân sách cấp xã: 20.687 triệu đồng, trong đó chi sự nghiệp GD &ĐT là 225 triệu đồng

3. Dự phòng NS: 3.147 triệu đồng, bằng 100% dự toán tỉnh giao *(bao gồm ngân sách thị xã: 2.724 triệu đồng, ngân sách xã, phường 423 triệu đồng)*.

4. Chi từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu:

a) Số chi từ nguồn NS tỉnh bổ sung có mục tiêu là 9.852 triệu đồng, cụ thể:

- Ngân sách thị xã: 9.050 triệu đồng, trong đó chi sự nghiệp kinh tế và đầu tư XDCCB 7.000 triệu đồng, chi thực hiện các chính sách, nhiệm vụ khác 2.050 triệu đồng
- Ngân sách xã, phường: 532 triệu đồng, *(trong đó phụ cấp CTV khuyến nông, thú y 241 triệu đồng; mua sắm trang thiết bị 166 triệu đồng, hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ khác: 120 triệu đồng)*

b) Số chi từ nguồn bổ sung thu thanh lý tài sản: 27 tỷ (chi XDCCB), trong đó bao gồm khoản bố trí trả lại nguồn kinh phí đã tạm ứng cho các công trình theo thực hiện năm 2019 từ nguồn thu thanh lý tài sản.

5. Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường: dự kiến số bổ sung cân đối cho ngân sách xã phường là 17.790 triệu đồng, bằng 104% so với dự toán 2019 *(đã bao gồm cả nguồn thực hiện CCTL)*

III. Một số biện pháp chủ yếu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 2020.

1. Về thu ngân sách:

- Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2019, các cơ quan, đơn vị và UBND xã, phường đánh giá đúng những tồn tại hạn chế, làm rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan để có những giải pháp quản lý thu hiệu quả, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm trong năm 2020 để phấn đấu tăng thu để đảm bảo nguồn kinh phí phục vụ nhiệm vụ kinh tế, xã hội của địa phương.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để rà soát, đối chiếu xác định các tổ chức, cá nhân đang sản xuất kinh doanh để quản lý thuế, kịp thời quản lý các hộ kinh doanh theo mùa vụ;

- Tổ chức thu đúng, thu đủ các khoản thu vào NSNN. Thu hồi kịp thời các khoản truy thu theo kết luận của cơ quan chức năng và cơ quan thuế. Tăng cường công tác phòng, chống gian lận thương mại; công tác quản lý, kiểm tra thuế ở các doanh nghiệp nhằm bảo đảm nguồn thu bổ sung cân đối cho các xã phường và hoàn thành dự toán được giao.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong ngành Tài chính, tạo thuận lợi cho các đối tượng nộp thuế, nhất là việc thu thuế của các doanh nghiệp ngoại tỉnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn.


- Đối với khu vực ngoài quốc doanh: Phân loại để có biện pháp quản lý thích hợp, gắn trách nhiệm của chính quyền phường, xã trong việc chăm lo khai thác và quản lý nguồn thu ngân sách, chống thất thu để đáp ứng nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp xã.

- Xây dựng kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất ở các khu vực đã quy hoạch, đấu giá tài sản được thanh lý và đấu giá sử dụng nhà khách Thành Cổ để chủ động đầu tư các công trình, dự án trong danh mục XDCCB đã thông qua.

2. Về chi ngân sách:

Dự toán chi năm 2020 phân bổ cho các cơ quan đơn vị mới cơ bản đáp ứng các khoản chi theo chế độ chính sách, trong khi nhu cầu chi của các cơ quan đơn vị là rất lớn. Để hoàn thành nhiệm vụ được giao trong điều kiện ngân sách hạn hẹp, các cơ quan đơn vị cần tập trung một số biện pháp sau:

- Tiếp tục quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước trong quản lý, điều hành ngân sách, thực hiện nghiêm túc các quy định về giao quyền tự chủ về sử dụng biên chế và tài chính đối với cơ quan HCSN.

- Các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện việc quản lý, sử dụng ngân sách theo đúng Luật ngân sách và chế độ, tiêu chuẩn, định mức đã ban hành. Thực hiện việc rà soát, sắp xếp lại, cắt giảm những nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; tiết giảm tối đa chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, chi phí lễ hội, khánh tiết, hội 

ngiht, tiếp khách... Thủ trưởng các cơ quan đơn vị phải chịu trách nhiệm về việc quyết định chi không đúng chế độ, sử dụng kinh phí trái quy định. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra để chấn chỉnh và xử lý nghiêm minh, kịp thời các sai phạm trong quản lý ngân sách nhà nước.

- Cơ quan Tài chính và Kho bạc tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chi; tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhưng vẫn đảm bảo chặt chẽ, đúng chế độ quy định.

- Các cơ quan đơn vị chủ động tính toán, sử dụng nguồn ngân sách đã được giao để đảm bảo các nhiệm vụ mới phát sinh, hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán. Việc xem xét bổ sung kinh phí ngoài kế hoạch cho các cơ quan đơn vị chỉ thực hiện từ quý III, trừ trường hợp cấp bách (thiên tai, dịch bệnh...) trên diện rộng, mức độ nghiêm trọng. Không bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ chính sách mới đặc thù riêng phát sinh trong năm 2020 mà chưa cân đối được nguồn kinh phí

Trên đây là tình hình thu chi Ngân sách năm 2019 và dự kiến dự toán thu chi NSNN năm 2020 của thị xã, UBND thị xã Quảng Trị báo cáo HĐND thị xã khoá VI, kỳ họp thứ 11 để xem xét thông qua. / *ld*

Nơi nhận:

- TT Thị uỷ (b/c);
- TT HĐND (B/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc;
- Các đại biểu HĐND thị xã,
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Văn Ngọc Lãm

ĐANH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019(Kèm theo báo cáo số 201 /BC-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước TH năm 2019	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	206.362	235.970	29.608	114
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	101.037	88.176	-12.861	87
-	Thu NSDP hưởng 100%	19.980	2.294	-17.686	11
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	81.057	85.882	4.825	106
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	105.325	114.787	9.462	109
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	97.747	97.747	0	100
3	Thu bổ sung có mục tiêu	7.578	17.040	9.462	225
-	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	1.556		
-	Chương trình mục tiêu nhiệm vụ khác	7.578	15.484	7.906	204
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0	0	0	
IV	Thu kết dư	0	8.976	8.976	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	24.031	24.031	
B	TỔNG CHI NSDP	206.362	233.161	26.799	113
I	Tổng chi cân đối NSDP	198.784	206.921	8.137	104
1	Chi đầu tư phát triển	69.391	74.098	4.707	107
2	Chi thường xuyên	122.722	132.823	10.101	108
3	Dự phòng ngân sách	3.624	0	-3.624	0
4	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	3.047	0	-3.047	0
II	Chi các chương trình mục tiêu	7.578	16.740	9.162	221
-	Chi các CT mục tiêu quốc gia		1.256	1.256	
-	Chi các CT mục tiêu nhiệm vụ khác	7.578	15.484	7.906	204
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	9.500	9.500	

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số 261.../BC-UBND ngày 10 Tháng 12 năm 2019 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019		Ước TH năm 2019		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	108.107	101.037	95.976	88.176	89	87
I	Thu nội địa	108.107	101.037	95.976	88.176	89	87
1	Thu từ khu vực DNNN do ĐP quản lý	0	0	138	138		
2	Thu từ khu vực kinh tế NQD	25.210	25.210	27.672	27.672	110	110
3	Thuế thu nhập cá nhân	2.600	2.600	3.500	3.500	135	135
4	Lệ phí trước bạ	7.500	7.500	8.700	8.700	116	116
5	Thu phí, lệ phí	1.700	830	1.700	1.042	100	126
-	<i>Phí và lệ phí trung ương. Tỉnh</i>	870	0	658	0		
-	<i>Phí và lệ phí huyện</i>	565	565	772	772	137	137
-	<i>Phí và lệ phí xã, phường</i>	265	265	270	270	102	102
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	15	15	8	8	53	53
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	120	120	195	195	163	163
8	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.910	1.910	1.100	1.100	58	58
9	Thu tiền sử dụng đất	50.000	45.000	50.000	45.000	100	100
10	Tiền cho thuê và tiền bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước	17.400	17.400	500	500	3	3
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	134	42		
12	Thu khác ngân sách	1.645	445	2.300	250	140	56
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi	7	7	0	0	0	0
13	Thu đóng góp	0	0	29	29		
II	Thu từ dầu thô						

Ghi chú: Thu NSNN trên địa bàn, thu NSDP cấp huyện, xã không có thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà r

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019(Kèm theo báo cáo số 261/BC-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước TH năm 2019	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	206.362	233.161	26.799	113
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	198.784	206.921	8.137	104
I	Chi đầu tư phát triển	69.391	74.098	4.707	107
1	Chi đầu tư cho các dự án	67.291	74.098	6.807	110
-	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			0	
+	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.650	4.431	2.781	
+	Chi khoa học và công nghệ	0	0	0	
-	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			0	
+	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	43.500	57.805	14.305	133
+	Chi đầu tư từ nguồn NS tỉnh cân đối	7.091	7.426	335	105
+	Chi từ nguồn khác	16.700	8.867	-7.833	53
2	Chi hỗ trợ vốn cho các dn theo quy định	0	0	0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	2.100		-2.100	0
II	Chi thường xuyên	125.769	132.823	7.054	106
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	59.832	60.801	969	102
2	Chi khoa học và công nghệ	0			
III	Dự phòng ngân sách	3.624	0	-3.624	
IV	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương			0	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	7.578	16.740		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	1.256	1.256	
-	Chương trình XDNTM	0	1.100	1.100	
-	Chương trình giảm nghèo bền vững	0	156	156	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	7.578	15.484	7.906	204
-	KP phục vụ cho vận hành Tabmis	200	200	0	100

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước TH năm 2019	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
-	Hỗ trợ ĐH theo nhiệm kỳ của các hội đoàn thể các cấp	200	200	0	100
-	Mua sắm trang thiết bị các cơ quan, đơn vị, phường, xã	400	400	0	100
-	Hỗ trợ địa phương thực hiện thực hiện mục tiêu nông thôn mới, các công trình tri ân, đền ơn đáp nghĩa...	5.000	5.000	0	100
-	Hỗ trợ HĐ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	175	175	0	100
-	KP hoạt động tăng thêm của banTTNN	5	5	0	100
-	Hỗ trợ KP thực hiện chế độ chi tiêu của HĐND các cấp theo NQ 02/2017/NQ-HĐND	327	327	0	100
-	Hỗ trợ tổ chức kỷ niệm 30 năm lập lại TX	0	300	300	100
-	Hỗ trợ hoạt động khu di tích quốc gia Thành Cổ	400	400	0	100
-	Hỗ trợ hđ thả hoa đăng trên sông Thạch Hãn	500	500	0	100
-	Hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở	0	140	140	100
-	KP hỗ trợ trang cấp phần mềm quản lý các khoản thu và sử dụng hóa đơn điện tử trong trường học	130	130	0	100
-	KP chi trả cho đối tượng BTXH	0	600	600	100
-	Phụ cấp đối với nhân viên, CTV thú y và khuyến nông năm 2018	241	241	0	100
-	Kinh phí thực hiện chính sách điện hộ nghèo năm 2018		84	84	100
-	KP thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2018		278	278	100
-	KP thực hiện chính sách miễn, giảm học phí		480	480	100
-	KP hỗ trợ tiền ăn cho trẻ 3-4 tuổi		40	40	100
-	KP hỗ trợ phát triển cây trồng, con nuôi chủ lực		100	100	100
-	Bổ trí vốn đối ứng Dự án LRAMP 2018		80	80	100
-	Hỗ trợ trường mầm non đạt chuẩn		400	400	100
-	KP thực hiện dự án điện cầu Thành Cổ		5.000	5.000	100
-	KP thực hiện NQ 35/2018/NQ-HĐND		81	81	100
-	KP thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch năm 2018,		300	300	100
-	Bổ trí kinh phí hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ năm 2017		23	23	100
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0	9.500	9.500	

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số...261.../BC-UBND ngày 10...tháng 12 năm 2019 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước TH năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh (1)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	206.362	235.970	211.113	-24.857	89
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	101.037	88.176	75.312	-12.864	85
-	Thu NSDP hưởng 100%	19.980	2.294	1.770	-524	77
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	81.057	85.882	73.542	-12.340	86
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	105.325	114.787	135.801	21.014	118
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	97.747	97.747	99.219	1.472	102
2	Thu bổ sung có mục tiêu	7.578	17.040	9.582	-7.458	56
3	Thu bổ sung có mục tiêu (nguồn thanh lý tài sản)	0	0	27.000	27.000	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0	0	0	0	0
IV	Thu kết dư	0	8.976	0	-8.976	0
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	24.031	0	-24.031	0
B	TỔNG CHI NSDP	206.362	233.161	211.113	4.751	102
I	Tổng chi cân đối NSDP	198.784	206.921	174.531	-24.253	88
1	Chi đầu tư phát triển	69.391	74.098	40.099	-29.292	58
2	Chi thường xuyên	122.722	132.823	127.729	5.007	104
3	Dự phòng ngân sách	3.624	0	3.147	-477	87
4	Chi tạo nguồn CCTL	3.047	0	3.556	509	0
II	Chi các chương trình mục tiêu	7.578	16.740	36.582	29.004	483
	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	1.256	0	0	0
	Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ	7.578	15.484	36.582	29.004	483
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	9.500	0	0	0

Ghi chú: Đối với các chỉ tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số 26.1.../BC-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước TH năm 2019		Dự toán năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	95.676	88.176	81.508	75.312	85	85
I	Thu nội địa	95.676	88.176	81.508	75.312	85	85
1	Thu từ khu vực DNNN do ĐP quản lý	138	138	0	0	0	0
2	Thu từ khu vực kinh tế NQD	27.672	27.672	26.250	26.250	95	95
3	Thuế thu nhập cá nhân	3.500	3.500	3.000	3.000	86	86
4	Lệ phí trước bạ	8.700	8.700	8.000	8.000	92	92
5	Thu phí, lệ phí	1.700	1.042	1.700	850	100	82
-	<i>Phí và lệ phí TW. Tỉnh</i>	<i>658</i>	<i>0</i>	<i>850</i>	<i>0</i>	<i>129</i>	
-	<i>Phí và lệ phí huyện</i>	<i>772</i>	<i>772</i>	<i>850</i>	<i>850</i>	<i>110</i>	<i>110</i>
-	<i>Phí và lệ phí xã, phường</i>	<i>270</i>	<i>270</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	8	8	10	10	125	125
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	195	195	158	158	81	81
8	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.100	1.100	1.200	1.200	109	109
9	Thu tiền sử dụng đất	50.000	45.000	39.440	35.494	79	79
10	Tiền cho thuê và tiền bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước	500	500			0	0
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	134	42	0	0	0	0
12	Thu khác ngân sách	2.000	250	1.750	350	88	140
13	Thu từ hoa lợi và quỹ đất công ích	0	0	0	0		
14	Thu đóng góp	29	29	0	0	0	0
II	Thu từ dầu thô						

Ghi chú:

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách địa phương cấp huyện, xã không có thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước, chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu. Thu chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước chỉ áp dụng đối với thành phố Hà Nội.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số 26A.../BC-UBND ngày 10... Tháng 12 năm 2019 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	206.362	211.113	4.751	102
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	198.784	174.531	-24.253	88
I	Chi đầu tư phát triển	69.391	40.099	-29.292	58
1	Chi đầu tư cho các dự án	67.291	38.899	-28.392	58
-	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			0	
+	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.650	2.530	880	153
+	Chi khoa học và công nghệ	0			
-	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			0	
+	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	43.500	35.494	-8.006	82
+	Chi đầu tư từ nguồn NS tỉnh cân đối	7.091	4.605	-2.486	65
+	Chi từ nguồn bán tài sản thuộc sở hữu NN	16.700	0	-16.700	0
2	Chi hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp theo quy định	0	0	0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	2.100	1.200	-900	57
II	Chi thường xuyên	125.769	131.285	5.516	104
	Trong đó:			0	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	59.832	61.602	1.770	103
2	Chi khoa học và công nghệ	0	0	0	
III	Dự phòng ngân sách	3.624	3.147	-477	87
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	7.578	36.582	29.004	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	0	0	
-	Chương trình XDNTM	0	0		
-	Chương trình xóa đói giảm nghèo	0	0		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	7.578	36.582	29.004	483
-	KP phục vụ cho vận hành Tabmis	200	200	0	100

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
-	Hỗ trợ ĐH theo nhiệm kỳ của các hội đoàn thể các cấp	200	0	-200	0
-	Mua sắm trang thiết bị các cơ quan, đơn vị, phường, xã	400	400	0	100
-	Hỗ trợ địa phương thực hiện thực hiện mục tiêu nông thôn mới, các công trình tri ân, đền ơn đáp nghĩa...	5.000	7.530	2.530	151
-	Hỗ trợ vốn đầu tư từ nguồn thanh lý trụ sở các đơn vị	0	27.000	27.000	
-	Hỗ trợ hoạt động bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	175	0	-175	0
-	KP hoạt động tăng thêm của banTTNN	5	5	0	100
-	Hỗ trợ KP thực hiện chế độ chi tiêu của HĐND các cấp theo NQ 02/2017/NQ-HĐND	327	350	23	107
-	Hỗ trợ hoạt động khu di tích quốc gia Thành Cổ	400	400	0	100
-	Hỗ trợ hoạt động thả hoa đăng trên sông Thạch Hãn	500	500	0	100
-	Phụ cấp đối với nhân viên, CTV thú y và khuyến nông năm 2018	241	241	0	100
-	Kinh phí thực hiện KH áp dụng HT chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO năm	0	-44	-44	
-	Hỗ trợ KP trang cấp phần mềm quản lý các khoản thu và sử dụng hóa đơn điện tử trong các trường học	130	0	-130	0
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0	0	0	

**ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2019**

(Kèm theo báo cáo số...**2.61**./BC-UBND ngày **10**...tháng 12 năm 2019 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách	203.380	230.395	27.015	113
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	98.055	84.040	-14.015	86
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	105.325	114.787	9.462	109
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	97.747	97.747	0	100
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	7.578	17.040	9.462	225
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính (1)	0	0	0	
4	Thu kết dư	0	7.537	7.537	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	24.031	24.031	
II	Chi ngân sách	203.380	229.354	25.974	113
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	185.488	200.824	15.336	108
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	17.892	19.590	1.698	109
-	<i>Chi bổ sung cân đối ngân sách</i>	17.158	17.158	0	100
-	<i>Chi bổ sung có mục tiêu</i>	734	2.432	1.698	331
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	8.940	8.940	
4	Chi nộp NS cấp trên	0	0	0	
III	Bội chi NSĐP/Bội thu NSĐP	0		0	
B	NGÂN SÁCH XÃ			0	
I	Nguồn thu ngân sách	20.874	25.165	4.291	121
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	2.982	4.136	1.154	139
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	17.892	19.590	1.698	109
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	17.158	17.158	0	100
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	734	2.432	1.698	331
3	Thu kết dư	0	1.439	1.439	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	0	0	
II	Chi ngân sách	20.874	23.397	2.523	112
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	20.874	22.837	1.963	109
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	560	560	

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện không có thu từ quỹ dự trữ tài chính, bội chi NSĐP.

(2) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số 261 /BC-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2019				Ước thực hiện năm 2019				So sánh (%)			
		Tổng	Bao gồm			Tổng	Bao gồm			Tổng	Bao gồm		
			Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ XNK
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=5/1	10=6/2	11=7/3	12=8/4
	TỔNG SỐ	5.421	5.421	0	0	6.918	6.918	0	0	128	128		
1	Phường 1	1.040	1.040			1.360	1.360			131	131		
2	Phường 2	2.380	2.380			2.817	2.817			118	118		
3	Phường 3	1.510	1.510			2.294	2.294			152	152		
4	Phường An Đôn	174	174			227	227			130	130		
5	Xã Hải Lệ	317	317			220	220			69	69		

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG XÃ, PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số 261/BC-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	I- Thu nội địa	Bao gồm											
				1. Thu từ DNNN do địa phương quản lý	2. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	3. Lệ phí trước bạ	4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5. Các loại phí và lệ phí	6. Thu tiền sử dụng đất	7. Thu thuế sử dụng đất nông nghiệp	8. Thu đóng góp	9 Thu tiền thuê đất	10. Thuế thu nhập cá nhân	11. Thu khác	12. Thu từ hoa lợi công ích
A	B	1	2	3	4	5									
	TỔNG SỐ	6.918,0	6.918,0	0,0	3.024,0	510,0	206,0	363,0	0,0	9,0	29,0	0,0	2.730,0	47,0	0,0
1	Phường 1	1.360,0	1.360,0	0	600	80	60,0	60,0	0	7	0	0	550	3	0
2	Phường 2	2.817,0	2.817,0	0	1.450	80	50	165,0	0	0	29	0	1.040	3	
3	Phường 3	2.294,0	2.294,0	0	900	270	70	92,0	0	2	0	0	950	10	0
4	P. An Đôn	227,0	227,0	0	4	50	23,0	9,0	0	0	0	0	140	1	0
5	Xã Hải Lệ	220,0	220,0	0	70,0	30,0	3,0	37,0	0	0	0	0	50	30	0

Ghi chú: (1) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính chi tiết đến từng huyện; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện chi tiết đến từng xã.

(2) Thu nội địa chi tiết từng khu vực thu, khoản thu.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số 2.61.../BC-UBND ngày 10.tháng 12 năm 2019 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Bao gồm		Ước thực hiện năm 2019	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSDP	208.463	187.589	20.874	233.161	209.764	23.397	112	112	112
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	200.885	180.745	20.140	206.921	185.436	21.485	103	103	107
I	Chi đầu tư phát triển	71.491	71.491	0	74.098	73.938	160	104	103	
1	Chi đầu tư cho các dự án	69.391	69.391	0	74.098	73.938	160	107	107	
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>									
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.650	1.650		0			0	0	
-	Chi khoa học và công nghệ	0			0					
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>									
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	43.500	43.500		0			0	0	
-	Chi đầu tư từ nguồn NS tỉnh cân đối	7.091	7.091		0			0	0	
	Chi từ nguồn bán tài sản thuộc sở hữu NN	16.700	16.700		0			0	0	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật	0	0		0					
3	Chi đầu tư phát triển khác	2.100	2.100		0			0	0	
II	Chi thường xuyên	123.344	103.912	19.432	132.823	111.498	21.325	108	107	110
	<i>Trong đó:</i>									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	58.678	58.453	225	60.801	60.576	225	104	104	100
2	Chi khoa học và công nghệ									
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
V	Dự phòng ngân sách	3.624	3.229	395				0	0	0
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	2.426	2.113	313						

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Bao gồm		Ước thực hiện năm 2019	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	7.578	6.844	734	16.740	15.388	1.352	221	225	184
I	Chi các CT mục tiêu quốc gia	0	0	0	1.256	1.056	200			
-	Chương trình XDNTM	0	0		1.100	900	200			
-	Chương trình xóa đói giảm nghèo	0	0		156	156				
II	Chi các CT mục tiêu, nhiệm vụ	7.578	6.844	734	15.484	14.332	1.152	204	209	157
-	KP phục vụ cho vận hành Tabmis	200	200		200	200		100	100	
-	Hỗ trợ ĐH theo nhiệm kỳ của các hội đoàn thể các cấp	200	150	50	200	150	50	100	100	100
-	Mua sắm trang thiết bị các cơ quan, đơn vị, phường, xã	400	200	200	400	200	200	100	100	100
-	Hỗ trợ địa phương thực hiện thực hiện mục tiêu nông thôn mới, các công trình tri ân, đền ơn đáp nghĩa...	5.000	5.000		5.000	5.000		100	100	
-	Hỗ trợ hoạt động bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	175		175	175		175	100	#DIV/0!	
-	KP hoạt động tăng thêm của banTTNN	5		5	5		5	100		100
-	Hỗ trợ KP thực hiện chế độ chi tiêu của HĐND các cấp theo NQ 02/2017/NQ-HĐND	327	284	43	327	284	43	100	100	
-	Hỗ trợ hoạt động khu di tích quốc gia Thành Cổ	400	400		400	400		100	100	
-	Hỗ trợ hoạt động thả hoa đăng trên sông Thạch Hãn	500	480	20	500	480	20	100	100	
-	Hỗ trợ tổ chức kỷ niệm ngày lễ lớn	0			300	300				
-	Hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở	0			140		140			
-	KP hỗ trợ phát triển cây trồng, con nuôi	0			100	100				
-	KP bảo trợ xã hội	0			600	600				



STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Bao gồm		Ước thực hiện năm 2019	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
-	Phụ cấp đối với nhân viên, CTV thú y và khuyến nông năm 2018	241		241	241		241			
-	Kinh phí thực hiện chính sách điện hộ nghèo năm 2018	0			84	84				
-	KP thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2018	0			278		278			
-	KP thực hiện chính sách miễn, giảm học phí	0			480	480				
-	KP hỗ trợ tiền ăn cho trẻ	0			40	40				
-	KP hỗ trợ XD trường MN đạt chuẩn	0			400	400				
-	Bố trí vốn đối ứng Dự án LRAMP 2018	0			80	80				
-	KP phân mền quản lý các khoản thu trường học	130	130		130	130				
-	KP thực hiện Nghị quyết 35/2018/NQ-HĐND	0			81	81				
-	KP thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch năm 2019,	0			300	300				
-	KP hoàn ứng hỗ trợ chăn nuôi nông hộ	0			23	23				
-	Kinh phí thực hiện dự án điện cầu Thành Cổ	0			5.000	5.000				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0			9.500	8.940	560			

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số 26.1./BC-UBND ngày 4 tháng 12 năm 2019 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSĐP	198.039	229.354	31.315	116
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NS XÃ	17.892	19.590	1.698	109
B	CHI NS CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	180.147	200.824	20.677	111
I	Chi đầu tư phát triển	74.391	84.538	10.147	114
1	Chi đầu tư cho các dự án	72.291	84.538	12.247	117
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.650	6.431	4.781	390
-	Chi khoa học và công nghệ			0	
-	Chi quốc phòng			0	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	500	500	0	100
-	Chi y tế, dân số và gia đình			0	
-	Chi văn hóa thông tin		807	807	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			0	
-	Chi thể dục thể thao			0	
-	Chi bảo vệ môi trường	700	700	0	100
-	Chi các hoạt động kinh tế	65.411	70.999	5.588	109
-	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	4.030	4.284	254	106
-	Chi bảo đảm xã hội		817	817	
-	Chi đầu tư khác			0	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN theo quy định của pháp luật	0	0	0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	2.100		-2.100	0
II	Chi thường xuyên	105.756	116.286	10.530	110
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	58.583	60.576	1.993	103
-	Chi khoa học và công nghệ (2)	0	0	0	
-	Chi quốc phòng	867	950	83	110
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	692	807	115	117
-	Chi y tế, dân số và gia đình	900	650	-250	72
-	Chi văn hóa thông tin	1.892	4.299	2.407	227
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	579	610	31	105
-	Chi thể dục thể thao	180	180	0	100
-	Chi bảo vệ môi trường	7.245	7.444	199	103
-	Chi các hoạt động kinh tế	7.203	9.663	2.460	134
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	22.586	25.128	2.542	111
-	Chi bảo đảm xã hội	4.709	5.435	726	115
-	Chi thường xuyên khác	320	544	224	170
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0	0	0	
IV	Dự phòng ngân sách	0	0	0	
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0	0	0	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0	8.940	8.940	

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2019
(Kèm theo báo cáo số 267 /BC-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2019					Ước thực hiện năm 2019					So sánh(%)				
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên	
			Tổng số	Trong đó chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Tổng số	Trong đó chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề		Tổng số	Trong đó chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Tổng số	Trong đó chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề		Tổng số	Trong đó chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=6/1	12=7/2	13=8/3	14=9/4	15=10/5
	TỔNG SỐ	20.874	0	0	20.874	225	22.837	160	0	22.677	225	109			109	100
1	Phường 1	3.868	0		3.868	45	4.054	40		4.014	45	105			104	100
2	Phường 2	4.059	0		4.059	45	4.458	20		4.438	45	110			109	100
3	Phường 3	4.494	0		4.494	45	4.995	100		4.895	45	111			109	100
4	Phường An Đôn	4.061	0		4.061	45	4.133			4.133	45	102			102	100
5	Xã Hải Lệ	4.306	0		4.306	45	5.197			5.197	45	121			121	100
6	Quỹ lương bc chưa tuyển, nâng lương trước thời hạn	86	0		86		0								0	

Ghi chú: (1) Chi ngân sách tỉnh chi tiết đến từng huyện; chi ngân sách huyện chi tiết đến từng xã.

(2) Theo quy định tại Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số 201 /BC-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên quỹ	Số dư nguồn đến ngày 31/12/2018	Kế hoạch năm 2019				Ước thực hiện năm 2019				Số dư nguồn đến 31/12/2019
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm 2019	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP			
A	B	1	2	3	4	5=1+2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+6-8
1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	514,2	190,0	0,0	250,0	454,2	918		731	187	701,2
2	Quỹ vì người nghèo	286,1	600,0	0,0	500,0	386,1	781	20	649	132	418,1
3	Quỹ CDF	438,2	0,5		0,2	438,5	0,2		0	0,2	438,4
4	Vốn ủy thác qua NHCSXH	663,8	289,0	250,0	15,0	937,8	290	250	0	290	953,8
5	Quỹ hỗ trợ Hội nông dân	0	50	50	0	50	50	50		50	50,0